HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ
VỀ
NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN VIỆT NAM

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Chính phủ Việt Nam") và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (sau đây gọi tắt là "Chính phủ Hoa Kỳ"),

Với lòng mong muốn phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai nước, quy định những thủ tục cho các cơ quan có thẩm quyền của hai nước về việc nhận trở lại nhanh chóng và có trật tự những công dân Việt Nam được Chính phủ Hoa Kỳ ra lệnh trục xuất khỏi Hoa Kỳ,

Nhằm mục đích quy định những thủ tục chung cho các cơ quan có thẩm quyền dựa trên những nguyên tắc pháp lý của mỗi nước và trách nhiệm quốc tế về việc nhận trở lại công dân hồi hương và thể theo những nguyên tắc chung đã được công nhận của luật pháp quốc tế, cho phép việc hồi hương được xác định trên cơ sở từng trường hợp cụ thể và công nhận quyền của nước nhận trong việc xác định quốc tịch,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Những quy định chung

1. Chính phủ Việt Nam có thể xem xét nhận trở lại những công dân Việt Nam vi phạm pháp luật Hoa Kỳ, trên cơ sở xem xét các thủ tục pháp lý, quy chế và hoàn cảnh của từng trường hợp cụ thể. Đối tượng và thủ tục nhận trở lại được xác định theo những quy định của Hiệp định này.

2. Chính phủ Hoa Kỳ thực hiện việc hồi hương công dân Việt Nam vi phạm pháp luật Hoa Kỳ trên cơ sở phù hợp với pháp luật Hoa Kỳ, luật pháp quốc tế và các điều khoản của Hiệp định này. Việc hồi hương cần tính đến

khía cạnh nhân đạo, tính thống nhất gia đình và hoàn cảnh của từng người trong từng trường hợp cụ thể.

3. Việc hồi hương được thực hiện trong trật tự, an toàn và tôn trọng nhân phẩm của người hồi hương. Chính phủ Hoa Kỳ cho phép công dân Việt Nam bị trục xuất thu xếp các công việc cá nhân của họ ở Hoa Kỳ trước khi đưa họ trở về Việt Nam trong một khoảng thời gian hợp lý.

4. Người hồi hương theo Hiệp định này có quyền chuyển về Việt Nam tiền và tài sản cá nhân hợp pháp của mình.

5. Chính phủ Hoa Kỳ chịu các chi phí liên quan đến việc đưa trở về Việt Nam những người hồi hương phù hợp với quy định tại Điều 5 và Phụ lục 1 của Hiệp định này. Chính phủ Hoa Kỳ cũng chịu mọi chi phí cho việc nhận trở lại Hoa Kỳ bất cứ người nào bị hồi hương do nhầm lẫn phù hợp với quy định tại Điều 3 của Hiệp định này.

Điều 2
Những người có thể bị trục xuất và các điều kiện nhận trở lại

1. Chính phủ Việt Nam nhận trở lại những công dân Việt Nam phù hợp với Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Hiệp định này, nếu sau khi điều tra những người này đáp ứng những điều kiện sau:

(a) Là công dân Việt Nam và đồng thời không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc công dân của bất kỳ nước nào khác;

(b) Trước đây đã cư trú tại Việt Nam và hiện không có nơi cư trú ở nước thứ ba;

(c) Đã vi phạm pháp luật Hoa Kỳ và bị cơ quan có thẩm quyền ra lệnh trục xuất; và

(d) Nếu người này đã bị kết án do phạm tội hình sự (kể cả các vi phạm pháp luật nhập cư) thì trước khi bị trục xuất người này phải thi hành xong án phạt tù hoặc được giảm án phạt tù theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Những công dân Việt Nam đã đến Hoa Kỳ trước ngày 12/7/1995, ngày mà hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, không thuộc đối tượng nhận trở lại về Việt Nam theo Hiệp định này. Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam vẫn giữ lập trường pháp lý của mình liên quan đến những công dân Việt Nam rời Việt Nam đến Hoa Kỳ trước thời điểm nói trên.

3. Trong trường hợp công dân Việt Nam di cư sang Hoa Kỳ từ một nước thứ ba là nơi người này đã thường trú và nếu người này được lệnh trục xuất khỏi Hoa Kỳ thì Chính phủ Hoa Kỳ sẽ tìm cách đưa người này quay lại nước thứ ba đó hoặc xem xét cho người này ở lại Hoa Kỳ, trước khi yêu cầu đưa người này về Việt Nam.

4. Trong bất kỳ trường hợp nào nếu Chính phủ Việt Nam có được những thông tin liên quan đến việc hồi hương của một người mà trước đây thông tin này chưa được Chính phủ Hoa Kỳ xem xét, thì Chính phủ Việt Nam có thể yêu cầu xem xét lại mặt nhân đạo dựa trên những hoàn cảnh cụ thể của người bị hồi hương phù hợp với pháp luật Hoa Kỳ.

Điều 3
Nhận trở lại trong trường hợp hồi hương nhầm lẫn

Khi nhận được thông báo của Chính phủ Việt Nam là một người đã bị Chính phủ Hoa Kỳ trao trả về Việt Nam nhưng không đáp ứng tất cả các điều kiện quy định tại Điều 2 Hiệp định này, Chính phủ Hoa Kỳ nhanh chóng nhận lại người đó trở lại Hoa Kỳ mà không cần qua bất kỳ thủ tục đặc biệt nào.

Điều 4
Thủ tục nhận trở lại

1. Khi Chính phủ Hoa Kỳ cho rằng một người có thể được lệnh trục xuất khỏi Hoa Kỳ là công dân Việt Nam và đáp ứng tất cả các điều kiện quy định tại Điều 2 Hiệp định này, Bộ An ninh nội địa Hoa Kỳ, thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ, yêu cầu Chính phủ Việt Nam cấp giấy tờ đi lại phù hợp và sẽ chuyển các hồ sơ cần thiết của người đó cho Chính phủ Việt Nam. Các hồ sơ này bao gồm ba bộ, một bản gốc và hai bản sao. Bản gốc và một bản sao sẽ được Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam gửi cho Bộ Công an Việt Nam (Cục Quản lý xuất nhập cảnh), bản sao còn lại được gửi cho Bộ Ngoại giao Việt Nam (Cục Lãnh sự).

Mỗi bộ hồ sơ bao gồm công hàm ngoại giao đề nghị Chính phủ Việt Nam tiếp nhận người hồi hương, họ tên của người mà Chính phủ Hoa Kỳ dự định hồi hương về Việt Nam, các tờ khai thích hợp do đương sự điền đầy đủ (mẫu trong Phụ lục 2 kèm theo Hiệp định này), bản sao lệnh trục xuất và các tài liệu khác liên quan đến lý lịch, quốc tịch, quá trình phạm tội, hình phạt đã áp dụng, quyết định ân xá hoặc giảm hình phạt tù. Lệnh trục xuất sẽ được dịch ra tiếng Việt theo mẫu quy định, và giấy tờ liên quan đến quá trình phạm tội, bao gồm cả hồ sơ tiếng Anh của Trung tâm Quốc gia về Thông tin hình sự, kèm theo mã đọc phải được dịch ra tiếng Việt. Tất cả các giấy tờ, tài liệu và bản dịch phải được cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ chứng thực.

2. Theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Hoa Kỳ thu xếp và tạo điều kiện để viên chức xuất nhập cảnh của Việt Nam phỏng vấn những người thuộc diện quy định tại Điều 2(1) của Hiệp định này để xác minh các thông tin liên quan đến quốc tịch Việt Nam, dữ liệu nhân thân và nơi cư trú cuối cùng của người đó. Bộ An ninh nội địa Hoa Kỳ sắp xếp địa điểm thực hiện các cuộc phỏng vấn đó. Chính phủ Hoa Kỳ cũng sẽ tạo điều kiện để các viên chức lãnh sự của Việt Nam đang công tác nhiệm kỳ tại Hoa Kỳ phỏng vấn những người có thể bị trục xuất mà Hoa Kỳ tin rằng người đó là công dân Việt Nam.

3. Chính phủ Việt Nam sẽ nhanh chóng trả lời cho Chính phủ Hoa Kỳ về các trường hợp nói đến tại Điều này sau khi đã hoàn tất việc xác minh về phía Việt Nam. Nếu khẳng định đương sự, mà tên và hồ sơ của người này đã được chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam theo đúng những quy định tại Điều này, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2, Bộ Công an Việt Nam cấp giấy thông hành cho phép người đó trở về Việt Nam, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam biết.

4. Sau khi Chính phủ Việt Nam đã cấp giấy thông hành theo Hiệp định này, Chính phủ Hoa Kỳ thông báo trước ít nhất mười lăm (15) ngày về chuyến bay và việc chuẩn bị hồi hương người được nhận trở lại Việt Nam. Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam thông báo cho Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) và Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) về ngày tháng và số hiệu chuyến bay, thời gian hạ cánh, cửa khẩu (sân bay Nội Bài ở Hà Nội hay sân bay Tân Sơn Nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh), các chi tiết liên quan đến viên chức Hoa Kỳ áp giải người hồi hương (như họ tên, ngày sinh, số hộ chiếu, thời gian dự kiến lưu lại Việt Nam...) để phía Việt Nam khẳng định lại việc tiếp nhận người hồi hương.

Khi một người đang được điều trị y tế được trao trả về Việt Nam theo Hiệp định này, các viên chức áp giải Hoa Kỳ sẽ chuyển cho các viên chức tiếp nhận của Việt Nam bản sao hồ sơ y tế của người hồi hương tại sân bay. Viên chức áp giải và tiếp nhận của hai bên sẽ ký biên bản xác nhận việc bàn giao người hồi hương.

Điều 5
Chi phí

1. Chính phủ Hoa Kỳ chịu chi phí vận chuyển những công dân Việt Nam hồi hương về Việt Nam theo Hiệp định này.

2. Chính phủ Hoa Kỳ chịu chi phí cho việc tiếp nhận người hồi hương bao gồm: chi phí cho việc xác minh, việc tiếp nhận họ tại sân bay và chuyên chở những người này từ sân bay về nơi cư trú phù hợp với Phụ lục 1 kèm theo.

3. Chính phủ Hoa Kỳ chịu chi phí thu xếp các cuộc phỏng vấn do các viên chức Việt Nam có thẩm quyền thực hiện đối với những người mà Chính phủ Hoa Kỳ cho rằng họ là công dân Việt Nam và thuộc đối tượng hồi hương theo Hiệp định này.

4. Chính phủ Hoa Kỳ chịu chi phí đưa trở về Hoa Kỳ những người hồi hương do nhầm lẫn quy định tại Điều 3 Hiệp định này.

Điều 6
Hiệu lực và thời hạn

1. Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày được hai Chính phủ ký.

2. Sau khi có hiệu lực, Hiệp định này có giá trị trong thời hạn năm (5) năm. Sau đó, Hiệp định sẽ được tự động gia hạn thêm từng ba (3) năm một trừ khi Chính phủ này thông báo bằng văn bản cho Chính phủ kia về việc không gia hạn Hiệp định này ít nhất sáu (6) tháng trước ngày Hiệp định hết hạn.

Điều 7
Sửa đổi và bổ sung

Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ qua kênh ngoại giao thích hợp.

Điều 8
Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến việc giải thích và thực hiện Hiệp định này được giải quyết qua kênh ngoại giao thích hợp.

Điều 9
Đình chỉ và chấm dứt hiệu lực

Hiệp định này có thể được một trong hai Chính phủ đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực. Việc đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực Hiệp định này có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Chính phủ này nhận được văn bản thông

báo của Chính phủ kia về ý định đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2008 thành hai bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh; cả hai văn bản có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ**
Đào Việt Trung Thứ trưởng Bộ Ngoại giao	Julie L. Myers Trợ lý Bộ trưởng An ninh Nội địa

Phu luc 1

CHI PHÍ CHO VIỆC NHẬN TRỞ LẠI

Nội dung	Chi phí cho việc nhận trở lại
1/ Chi phí cho việc xác minh (kể cả việc xác minh qua Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ ...) và tiếp nhận ở sân bay ở Việt Nam.	140 USD/ người
2/ Chi phí chuyên chở người hồi hương từ sân bay về nơi cư trú	10 USD/người
Tổng cộng	150 USD/người

Phụ lục 2
Annex 2

BẢN TỰ KHAI
SELF-DECLARATION FORM

(Dùng cho công dân Việt Nam được lệnh trục xuất khỏi Hoa Kỳ)
(For Vietnamese citizens who have been ordered removed from the United States)

Ảnh
(Cỡ 4cm x 6cm mặt nhìn thẳng, đầu để trần)
Photograph with size 4cm x 6 cm without hat

1. Họ tên khai sinh *(viết chữ in hoa):*
Full name (In capital letter)
- Các tên khác *(nếu có)*
Other name (If any)
- Giới tính: Nam, nữ
Sex Male, female
- Ngày sinh:
Date of birth
- Nơi sinh:
Place of birth
- Quốc tịch gốc:
Nationality at birth
- Quốc tịch hiện nay:
Nationality at present

2. Địa chỉ thường trú trước khi rời Việt Nam *(ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh, hoặc số nhà, đường phố, phường, quận, thành phố):*
Previous permanent address before leaving Vietnam (state specifically the village, commune, district, province or house number, street, precinct, district, city)

3. Rời Việt Nam ngày tháng năm
Date leaving Vietnam:
- Bằng hình thức:
Mode of departure
- Mang hộ chiếu hoặc giấy thông hành số: cấp ngày tháng năm
Cơ quan cấp:
Holding passport or laisser-passer number: Issued on: By:

4. Trước khi đến Hoa Kỳ đã ở những nước nào, làm gì *(ghi rõ từng thời gian):*
Before arriving in the United States, in which countries have you lived, what did you do there (state the time)

5. Đến Hoa Kỳ ngày tháng năm
Date arriving in the United States:
- Bằng hình thức:
Mode of entry
- Mang hộ chiếu hoặc giấy thông hành số: cấp ngày tháng năm

Cơ quan cấp:
Holding passport or laisser-passer number: *Issued on:* *By:*

6. Thân nhân ruột thịt ở Việt Nam (cha, mẹ, vợ, chồng, con):
Relatives in Vietnam (parents, spouses, offspring)

Số TT No.	Họ và tên Full name	Ngày sinh DOB	Quốc tịch Nationality	Quan hệ Relationship	Địa chỉ thường trú ở Việt Nam Permanent address in Vietnam

7. Thân nhân ruột thịt ở nước ngoài (cha, mẹ, vợ, chồng, con):
Relatives abroad (parents, spouses, offspring)

Số TT No.	Họ và tên Full name	Ngày sinh DOB	Quốc tịch Nationality	Quan hệ Relationship	Địa chỉ thường trú ở nước ngoài Permanent address abroad

8. Khi về Việt Nam cư trú với ai *(họ tên, quan hệ với bản thân)* **tại địa chỉ nào** *(thôn, xã, huyện, tỉnh, hoặc số nhà, đường phố, phường, quận, thành phố):*
On returning to Vietnam, whom you will live with (give full name, relationship) and proposed address (village, commune, district, province or house number, street, precinct, district, city).

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nhà nước Việt Nam.
I swear that the above statements are true and for which I am fully responsible to the Vietnamese laws.

Khai tại ngày tháng năm
Done at *On*

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)
(signature and full name)

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE UNITED STATES OF AMERICA

ON

THE ACCEPTANCE OF THE RETURN OF VIETNAMESE CITIZENS

The Government of the Socialist Republic of Vietnam (hereinafter called "the Vietnamese Government") and the Government of the United States of America (hereinafter called "the U.S. Government"),

With a wish of developing friendly relations between the two countries, and to establish procedures for competent authorities of both countries on the prompt and orderly acceptance of Vietnamese citizens who have been ordered removed by the U.S. Government,

In order to establish common procedures for the relevant authorities based on the legal principles of each country and the international responsibility to accept the return of repatriated citizens; and to follow recognized principles of international law, to allow for a case-by-case determination of repatriation, and to recognize the right of the receiving country to determine nationality,

Have agreed to the following:

Article 1
General Provisions

1. The Vietnamese Government may consider the return of its citizens who violated U.S. law based on the consideration of legal procedures and the status and circumstances of each individual case. The subject individuals and the acceptance procedure will be based on the terms of this Agreement.

2. The U.S. Government will carry out the repatriation of Vietnamese citizens who violated U.S. law in accordance with U.S. and international law and the provisions of this Agreement. The repatriation should take into

account the humanitarian aspect, family unity and circumstances of each person in each individual case.

3. Repatriation will be carried out in an orderly and safe way, and with respect for the individual human dignity of the person repatriated. The U.S. Government will allow Vietnamese citizens who have been ordered removed a reasonable time to arrange their personal affairs before returning them to Vietnam.

4. Persons repatriated under this Agreement have the right to transfer their legal money and personal property to Vietnam.

5. The U.S. Government will pay for the cost of returning to Vietnam persons repatriated under this Agreement, as provided in Article 5 and Annex 1. The U.S. Government will also pay for the cost of returning to the United States any person who was mistakenly repatriated, in accordance with Article 3 of this Agreement.

Article 2
Removable Persons and Conditions of Acceptance

1. The Vietnamese Government will accept the return of Vietnamese citizens in accordance with Article 1 and item 2 of Article 2 of this Agreement, if upon investigation the individual meets the following requirements:

(a) The individual is a citizen of Vietnam and is not a citizen of the United States or of any other country;

(b) The individual previously resided in Vietnam and has no current residence in a third country;

(c) The individual has violated U.S. laws and has been ordered by competent authority removed from the United States; and

(d) If the individual has been convicted of a criminal offense (including immigration violation), the person will have completed any imprisonment before removal, and any reduction in sentence will have been ordered by competent authority.

2. Vietnamese citizens are not subject to return to Vietnam under this Agreement if they arrived in the United States before July 12, 1995, the date on which diplomatic relations were re-established between the U.S.

Government and the Vietnamese Government. The U.S. Government and the Vietnamese Government maintain their respective legal positions relative to Vietnamese citizens who departed Vietnam for the United States prior to that date.

3. In the case of a citizen of Vietnam who immigrated to the United States from a third country where that person had a permanent residence and who has been ordered removed from the United States, the U.S. Government will seek to return that person to the third country or consider allowing that person to stay in the United States, before requesting removal to Vietnam.

4. In any case where the Vietnamese Government obtains information relevant to the repatriation of an individual that was not previously considered by the U.S. Government, the Vietnamese Government may request a humanitarian reconsideration based on the specific circumstances of the repatriated person in accordance with United States law.

Article 3
Return of Persons Repatriated in Error

Upon notice by the Vietnamese Government that a person returned to Vietnam by the U.S. Government does not meet all criteria mentioned in Article 2 of this Agreement, the U.S. Government should promptly receive the return of that person to the United States without any special procedure.

Article 4
Acceptance Procedures

1. When the U.S. Government believes that a removable person is a citizen of Vietnam and meets all criteria within Article 2 of this Agreement, the U.S. Department of Homeland Security, on behalf of the U.S. Government, will request appropriate travel documents from the Vietnamese Government and will forward the appropriate files to that Government. Such files will include three sets of documents, the original and two copies. The original and one copy shall be forwarded to the Vietnamese Ministry of Public Security (Immigration Department) by the U.S. Embassy in Vietnam, and the other copy will be sent to the Vietnamese Ministry of Foreign Affairs (Consular Department).

Each file will contain a diplomatic note which requests that the Vietnamese Government accept the returnee, the name of the person the U.S. Government believes should be repatriated to Vietnam, the appropriate forms completed by such person (an example of which is provided in Annex 2 of

this Agreement), a copy of the order of removal, and other documents regarding the person's biography, citizenship, criminal history, sentence imposed, and decision of amnesty or reduction of criminal sentence. The order of removal will be translated into Vietnamese on the standard form, and the criminal history will include a National Crime Information Center (NCIC) record in English accompanied by a code key translated into Vietnamese. All documents and translations will be certified by the competent U.S. authorities.

2. Upon request by the Vietnamese Government, the U.S. Government will arrange and facilitate the interview of persons who fall within Article 2(1) of this Agreement by Vietnamese immigration officials to determine information regarding the Vietnamese citizenship, biographical data, and last place of residence of such persons. The U.S. Department of Homeland Security will arrange a venue for those interviews. The U.S. Government also will facilitate interviews by U.S.-based consular officers of the Vietnamese Government of deportable persons whom the U.S. believes to be Vietnamese citizens.

3. The Vietnamese Government will provide a prompt response to the U.S. Government on cases referred under this Article after the Vietnamese verification is made. If it is determined that a person whose name and file has been provided to the Vietnamese Government in accordance with this Article meets the requirements of Article 2, the Ministry of Public Security of the Vietnamese Government will issue a travel document authorizing that person's return to Vietnam, and will provide written notification to the U.S. Embassy in Vietnam.

4. When the Vietnamese Government has issued a travel document under this Agreement, the U.S. Government will provide at least fifteen (15) days notice of the flight and travel arrangements by which the person will be returned to Vietnam. The U.S. Embassy in Vietnam will inform the Ministry of Public Security (Immigration Department) and the Ministry of Foreign Affairs (Consular Department) of the date and number of the flight, the time of arrival, the port of entry (Noi Bai Airport in Hanoi or Tan Son Nhat Airport in Ho Chi Minh City), and the details regarding any U.S. officers escorting the person to be returned (such as names, dates of birth, passport numbers, estimated times of stay in Vietnam, etc), and allow the Vietnamese side to confirm receipt of the returnees.

When a person under medical treatment is returned to Vietnam under this Agreement, the escorting U.S. officers will provide a copy of the person's health record to the receiving Vietnamese officials at the port of entry. The

escorting and receiving officers will sign a joint report verifying the person's repatriation.

Article 5
Expenses

1. The U.S. Government will pay for the cost of transporting Vietnamese citizens to Vietnam under this Agreement.

2. The U.S. Government will pay for the costs of receiving repatriated persons including: verifying fee, the receipt at the airport and transportation of the persons from airport to the place of residences in accordance with the enclosed Annex 1.

3. The U.S. Government will pay for the cost of arranging interviews by relevant Vietnamese officials of persons whom the U.S. Government believes to be Vietnamese citizens and subject to repatriation under this Agreement.

4. The U.S. Government will pay for the cost of returning to the United States persons who were repatriated in error, as provided in Article 3 of this Agreement.

Article 6
Entry into Force and Duration

1. This Agreement will enter into force sixty (60) days from the date of signature by both Governments.

2. Upon entry into force, this Agreement will be valid for five years. The Agreement will be extended automatically for terms of three years thereafter unless written notice not to extend is given by one Government to the other at least six months prior to the expiration date of the Agreement.

Article 7
Amendment and Supplementation

This Agreement may be amended or supplemented by written agreement of the Vietnamese Government and the U.S. Government through appropriate diplomatic channels.

Article 8
Resolution of Disputes

Any disputes regarding the interpretation and implementation of this Agreement will be resolved through appropriate diplomatic channels.

Article 9
Suspension or Termination

This Agreement may be suspended or terminated by either Government. Such suspension or termination of this Agreement will come into effect after thirty days (30) from the date one Government receives the written notification from the other Government of its intention to suspend or terminate.

Done at Hanoi, on 22 January 2008, in duplicate in the Vietnamese and English languages, both texts being equally authentic.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Dao Viet Trung
Deputy Minister
Ministry of Foreign Affairs

FOR THE GOVERNMENT OF THE UNITED STATES OF AMERICA

Julie L. Myers
Assistant Secretary,
Immigrant and Customs Enforcement
Department of Homeland Security

Annex 1

EXPENSES FOR REPATRIATION

Content	Expenses for Repatriation
1/ Expenses for verification (including verification through the Vietnamese Embassy in the U.S.,) and receipt at airports in Vietnam	$140/person
2/ Transportation fee for the repatriated person from airport to the place of residence	$10/person
Total:	$150/person

Phụ lục 2
Annex 2

BẢN TỰ KHAI
SELF-DECLARATION FORM

(Dùng cho công dân Việt Nam được lệnh trục xuất khỏi Hoa Kỳ)
(For Vietnamese citizens who have been ordered removed from the United States)

1. Họ tên khai sinh *(viết chữ in hoa):*
Full name (In capital letter)
- Các tên khác *(nếu có)*
Other name (If any)
- Giới tính: Nam, nữ
Sex Male, female
- Ngày sinh: - Quốc tịch gốc:
Date of birth *Nationality at birth*
- Nơi sinh: - Quốc tịch hiện nay:
Place of birth *Nationality at present*

Ảnh
(Cỡ 4cm x 6cm mặt nhìn thẳng, đầu để trần)
Photograph with size 4cm x 6 cm without hat

2. Địa chỉ thường trú trước khi rời Việt Nam *(ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh, hoặc số nhà, đường phố, phường, quận, thành phố):*
Previous permanent address before leaving Vietnam (state specifically the village, commune, district, province or house number, street, precinct, district, city)

3. Rời Việt Nam ngày tháng năm
Date leaving Vietnam:
- Bằng hình thức:
Mode of departure
- Mang hộ chiếu hoặc giấy thông hành số: cấp ngày tháng năm
Cơ quan cấp:
Holding passport or laisser-passer number: *Issued on:* *By:*

4. Trước khi đến Hoa Kỳ đã ở những nước nào, làm gì *(ghi rõ từng thời gian):*
Before arriving in the United States, in which countries have you lived, what did you do there (state the time)

5. Đến Hoa Kỳ ngày tháng năm
Date arriving in the United States:
- Bằng hình thức:
Mode of entry
- Mang hộ chiếu hoặc giấy thông hành số: cấp ngày tháng năm

Cơ quan cấp:
Holding passport or laisser-passer number: *Issued on:* *By:*

6. Thân nhân ruột thịt ở Việt Nam (cha, mẹ, vợ, chồng, con):
Relatives in Vietnam (parents, spouses, offspring)

Số TT No.	Họ và tên Full name	Ngày sinh DOB	Quốc tịch Nationality	Quan hệ Relationship	Địa chỉ thường trú ở Việt Nam Permanent address in Vietnam

7. Thân nhân ruột thịt ở nước ngoài (cha, mẹ, vợ, chồng, con):
Relatives abroad (parents, spouses, offspring)

Số TT No.	Họ và tên Full name	Ngày sinh DOB	Quốc tịch Nationality	Quan hệ Relationship	Địa chỉ thường trú ở nước ngoài Permanent address abroad

8. Khi về Việt Nam cư trú với ai *(họ tên, quan hệ với bản thân)* **tại địa chỉ nào** *(thôn, xã, huyện, tỉnh, hoặc số nhà, đường phố, phường, quận, thành phố):*
On returning to Vietnam, whom you will live with (give full name, relationship) and proposed address (village, commune, district, province or house number, street, precinct, district, city).

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nhà nước Việt Nam.
I swear that the above statements are true and for which I am fully responsible to the Vietnamese laws.

Khai tại ngày tháng năm
Done at *On*

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)
(signature and full name)